

## ĐẠI BÁT-NIỆT-BÀN KINH TẬP GIẢI

### QUYỂN 13

#### Phẩm 7: BỐN TƯỚNG (Phần 3)

Giải thích ý Mật, chỉ rõ nghĩa dấu vết vô thường.

Giải thích Mật giáo, nói rõ ý nghĩa Giải thoát, nói rộng về Phẩm Danh Tự Công Đức ở trước.

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật” cho đến “Chỉ có mật ngữ, không có Mật tạng.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hai Mật che lấp thường, trước đây đã khai phát. Nay, giải thích “mở bày vi mật” mà kệ trên đã nói.

Không nói tạng, nghĩa là vì Đức Phật không có Tạng.”

Từ các ví dụ dưới đây, nói vì không có sở đoản, nên không chứa đựng.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Trên đây, nói rộng nghĩa thân mật, khẩu mật, dường như Đức Như lai có tâm keo kiệt cất chứa. Chính vì thế, nên Bồ-tát Ca-diếp mới nói là có mật ngữ, không có Mật tạng. Như lai thành lập thuyết ngài đã nói.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Chúng đương thời đối với ở trên, về thô thì đã nhận hiểu. Lại muốn bày tỏ thân trí ở ngoài hằng muôn trời buộc, thuật bày giáo xưa, chưa nói về ý. Cho nên Bồ-tát Ca-diếp dạy rằng nhận hiểu, nhưng sự tướng che lấp của giáo xưa là nhiều, về sự, phải quét rộng. Văn dưới, đối với Đức Phật, nắm lấy giáo nghiêng lệch xưa, thứ lớp mở mang, gọi sạch, cái gọi là “Mở ra chỗ sâu kín.”

Chỉ có mật ngữ: Bồ-tát Ca-diếp tìm lấy ý Phật nói chỉ có mật ngữ, không có Mật tạng. Vì sao? Vì giáo xưa, căn cơ thường chưa đến, nên không được nói thường, mà giáo vô thường chính là ý ở thường, đâu có bí mật?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây vì sắp giải thích rộng về giải thoát, nên trước phải biết rõ ý Thánh, chỉ có mật ngữ, không có Mật tạng, tức nói rộng về ý mật.”

Pháp sư Đạo Tuệ ghi rằng: “Trước kia Đức Phật mở bày Thân mật, khẩu mật. Giờ đây mở bày về ý mật.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Dưới đây, lại mở ra khẩu mật.”

“Như nhà ảo thuật điều khiển người máy bằng gỗ” cho đến “Chư Phật, Thế tôn có tạng bí mật.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ảo thuật là kỹ thuật cạn thấp. Nhà ảo thuật không muốn cho mọi người biết. Đức Như lai không nông cạn, vì thường muốn cho mọi người biết, chẳng lẽ gọi là cất ư? Giấu ư?”

Pháp sư Tuệ Đản nói: “Nhà ảo thuật làm chỉ cốt cho người thấy, không cho người được. Đức Phật thì không như thế, Ngài thường mong cho tất cả chúng sinh đều chứng đắc như Như lai, chẳng lẽ gọi là cất ư? Giấu ư?”

“Phật khen: “Này người thiện nam! Lành thay! Lành thay!” cho đến “Người trí thấu rõ thì không gọi là Tạng.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dưới đây là các thí dụ: Đức Phật thành lời Ca-diếp nói. Trăng thu dù sáng, nhưng người có mắt mới thấy. Đối với người không có mắt, gọi là Tạng. Pháp Phật cũng như vậy, đối với người trí thì được rõ ràng, với người ngu lại bị che lấp.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đức Phật nói rộng có mười thí dụ: Tám ví dụ trước hoàn toàn sáng rõ không có bí tạng. Ví dụ thứ chín, giải thích về giáo, nói sớ dĩ trước không nói về pháp thâm mật, là vì chúng sinh. Ví dụ thứ mười, là nói về chúng sinh, nếu không học năm thời giáo này, thì không phải là Đức Phật bản sển đối với hữu tình. Đó là ví dụ thứ nhất.”

“Này người thiện nam! Vì như có người để dành vàng bạc” cho đến “cho nên không được, gọi là Bí tạng”.

Xét: Pháp sư Tăng lượng nói: đều làm sáng tỏ nghĩa Phật không có bí tạng. “Này người thiện nam! Thí như Trưởng giả tuy có con một “Cho đến”. Ngày đêm ân cần dạy cho con mình học về “Bán tự”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đầu tiên Đức Phật nói về giáo Tiểu thừa, sau nói giáo Đại thừa. Vì dường như có ẩn, nên dùng ví dụ để bày tỏ. Chúng sinh bị ràng buộc, nên nghe giáo đầy đủ. Về lý thì thường cảm nhau. Về nghĩa phải đến với thầy, nên mới nói tất cả pháp vô thường, dẫn dắt sao cho chúng sinh được cảm nhập, như sắp trở về. Giáo nghiêng lệch của ba thừa, dụ cho dùng “Bán tự”.

“Mà không dạy con mình luận Tỳ-già-la, vì nó còn nhỏ tuổi quá, chưa đủ sức học.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sáu hạnh của Đại thừa, dụ cho

“Mãn tự”.

“Này người thiện nam! Dù cho trưởng giả dạy cho con “Bán tự” rồi” cho đến “Sao lại phải nói Như lai Bí tạng?”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Nói vì không có căn cơ Đại thừa, nên phải cảm nhận giáo Tiểu thừa, há là bí mật bản sển cất giấu mà không nói ư?”

“Phật nói: “Lành thay! Lành thay! Này người thiện nam!” cho đến “Gọi là Như lai thường còn không thay đổi.”

Xét: Pháp sư Trí Tú nói: “Hợp thí dụ, kết chỉ thú.”

Lại nữa, Này người thiện nam! Ví như tháng mùa hạ” cho đến “Nhưng Phật Như lai thật ra không có gì giấu giếm.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nếu người nào không theo học năm thời giáo của Phật thì đâu phải là lỗi của Phật.”

“Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật: “Nay con chắc chắn biết rõ Như lai Thế tôn” cho đến “Thường còn không có thay đổi, nghĩa này thế nào?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Chứng “Bán tự” ở trên.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nhận hiểu, tự bày tỏ bản hoài, chỉ có giáo xưa nói: “Chưa rửa sạch”, rất có thể làm cho nổi hoài nghi của người không được dứt trừ, nay dẫn rộng kệ xưa, để giải thích vì sao thực thi chỉ thú của Quyền giáo?”

“Phật dạy: “Này người thiện nam! Như lai vì tất cả Thanh văn” cho đến “Vì sao lưỡi của người này không bị rút?”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Xuất xứ rộng, nói duyên khởi của bài kệ, nhằm chỉ bày rõ tùy từng thời kỳ mà lập giáo khác nhau.”

“Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật: “Như lời Phật dạy” cho đến “Mà sự đi này là đến phương nào?”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Chứng minh không có cất chứa. Cũng muốn cho trở xuống là so sánh trên, để nói Nhị thừa còn không có, huống chi Như lai.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Kệ trước chứng minh Niết-bàn Hữu dư, bài kệ này chứng minh Niết-bàn Vô dư. Dù rằng hợp dẫn một bài kệ, nhưng ý ở nửa bài kệ dưới.”

Dấu vết không thể tìm kiếm, nghĩa là thân trí đều mất. Vì đây cũng là giáo xưa nói, nên phải quét.

Ở dưới giải thích rằng: “Gần với Bồ-đề, Bồ-đề Niết-bàn không nơi chốn, sự dứt tình gần, nghĩa là khó tìm kiếm. Chỉ thú của bài kệ như thế. Ai có thể hiểu rõ ư?”

“Phật dạy: “Này người thiện nam! Nói về chứa nhóm” cho đến “Người không ham ăn gọi là biết đủ.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói hữu vi co của cải còn không có cất chứa, huống chi là vô vi không cần ư?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Chứa nhóm có hai thứ: Một là hữu vi; hai là vô vi, nghĩa là đạo chứa nhóm các công hạnh, chứ không phải là của báu thế gian. Các Thanh văn nắm lấy tướng mạo, thực hành đạo trong tâm, không được tướng ấy, nên nói là hữu vi. Lại, hợp với tướng để tu điều lành, thì sẽ cách xa quả Phật, nghĩa là sinh tử suốt ngày. Vô vi là công hạnh của Như lai, nếu có khả năng cẩn nặng nương theo sáu hạnh để tu đạo, tiến đức, thì vì không chấp lấy tướng “Có”. “Không”, nên gọi là vô vi. Lại nếu quên mất tướng khi hành đạo, thì sẽ nhận lấy quả Phật mau chóng. Nói quả trong nhân, cũng gọi là vô vi.”

“Dấu vết khó tìm tức là gần với vô thượng” cho đến “Như lai đến trong rừng Ta-la, chỗ Đại Niết-bàn, mà nhập Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Tăng Tông nói: “Đi mà không có đến, nghĩa là dù có danh ra khỏi khổ và Đức Phật đã lập công hạnh tích cực, nhưng vì trên lãnh vực này hoàn toàn không có dấu vết, nên không có đến. Thế nên Đức Phật đến trong rừng cây Ta-la này, đó là dấu vết của pháp thân. Mẫu nhiệm khó tìm kiếm, nhờ giải thoát hoàn toàn mà Đức Phật thị hiện nhập diệt.”

“Phật bảo: “Này Đại mà Ca-diếp! Nói cho đến “Nếu một người có đủ cả tám thứ thì rất cao siêu.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đáp câu hỏi của Bồ-tát Ca-diếp, câu dưới đây nói rằng: “Nói rộng cho chúng sinh nghe. Ý chỉ thường hằng mà Đức Phật đã nói, nay nói rộng là nghĩa rộng lớn.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trong phẩm Danh Tự Công Đức chẳng phải không nêu giải thích đại thể, không giải thích Đại nghĩa, cho nên trong đây dẫn tám điều giác ngộ của bậc Đại nhân, lấy sự rộng lớn bao dung làm nghĩa.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Ở trên nói Đại Niết-bàn này có công năng lập ra nghĩa Đại, không giải thích lý do, nay nói có công đức lớn, nên lập ra nghĩa đại.”

Minh Tuấn nói: “Chính là nói rộng về giải thoát. Trong phẩm Danh Tự Công Đức trên đã nói lược về giải thoát, cũng chỉ là giải thích sơ lược. Ngày nay, sở dĩ gọi Đại là vì muôn đức của quả cùng cực. Tóm tắt nêu lên ba đức để thành lập tạng bí mật, mà dùng công dụng của một đức giải thoát thích hợp với đề kinh: Niết-bàn là tên chung của sự

“Không có trói buộc”, dùng nhiều nghĩa để giảng dạy, lấy giải thoát là một trong nhiều nghĩa đó.

Cho nên hỏi: “Thế nào đối với kinh này? Tức thưa hỏi tên kinh, oai lực kinh và lưu thông. Rốt ráo đến bờ bên kia là hỏi về giải thoát, cho nên ở phẩm trước, Đức Phật đáp: “Hàng phục tất cả các kiết phiền não và các tánh ma, đối với Đại Niết-bàn, buông bỏ thân mạng”, đã sơ lược chỉ rõ giải thoát.

Nghe một câu hỏi: “Nói pháp có mấy thứ?” bốn tướng trên đã nói rộng về cách lưu thông của phẩm trước.

Từ Niết-bàn Hữu dư, Vô dư cho đến phẩm này sẽ nói rộng, ba đức. Từ phẩm Tứ Y trở xuống là nói rộng về người lưu thông.”

“Đã nói Niết-bàn, nghĩa là không có các chứng nhọt, bấu” cho đến “Cho nên gọi là Đại Bát-niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Chứng ung nhọt dụ cho các khổ. Vì không khổ, gọi là Niết-bàn. Nếu tự mình chữa trị chứng nhọt bấu này thì không gọi là đại diệt, bởi phải diệt tất cả khổ, mới được gọi là “Đại diệt”. Thấy đều chữa trị, gọi là niềm tin. Dù ung nhọt chưa lành ngay, nhưng đã làm nhân để khỏi bệnh.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Ở trên giải thích về nghĩa “Đại”, ở đây giải thích nghĩa Niết-bàn:

Chứng nhọt, bấu tức là trói buộc. Đã không có nhọt bấu, tức là giải thoát. Trong đây, trước nói về chúng sinh năng trị, dẫn thầy thuốc làm dụ. Dưới đây, là nêu thể, là nói rộng về giải thoát.

“Đại Bát-niết-bàn gọi là chỗ giải thoát” cho đến “Vì nghĩa sâu xa này, nên gọi là Đại Niết-bàn:

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hậu tâm Kim cương, phiền não dứt hết, chứng được Niết-bàn.”

“Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng” cho đến “Cho nên Niết-bàn gọi là không có nhọt, bấu.”

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Nếu theo văn dưới đây, thì Niết-bàn làm chỗ nhân duyên cho giải thoát cho tất cả chúng sinh.”

Chúng sinh cõi Diêm-phù-đề có hai hạng: Một là có đức tin; hai là không có đức tin.

Giải thích về người có đức tin, có hai cách giải thích:

1. Rằng, từ khi Đức Phật ra đời, có người y theo giáo pháp tu hành, lập được tín căn đứng đầu, đều gọi là sửa mình. Lúc chưa lập thì dù có niềm tin, cũng chưa quyết định, vì không tránh khỏi Xiển-đề, nên gộp thành hạng người không có niềm tin.

2. Hạng người được gặp Phật, có thể sinh ra một niệm lành trở lên, cho đến đặt tín căn ở đầu, đều được gọi là sửa mình. Nếu người nào không thể sanh một niệm lành, thì đều là không có niềm tin.”

“Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật: “Bạch Đức Thế tôn! Thế nào gọi là Niết-bàn?”

Phật nói: “Này người thiện nam! Niết-bàn gọi là giải thoát.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Dự Sáp nói về sắc và trí là giải thoát nên nêu câu hỏi này. Niết bàn gọi là giải thoát: Xưa nói Niết-bàn là giải thoát trong ba việc này, nay chính là tên gọi đó.

Kính Di ghi lời của Tăng Tông rằng: “Đức Viên, thể diệp ở ngoài muôn sự trói buộc, vì thế, nên gọi là giải thoát. Niết-bàn là tiếng Ấn Độ, giải thích theo nghĩa của họ, thì có từ ngữ riêng, trong đây là giải thoát, tức là phiên dịch danh từ của thích nghĩa.

Theo giáo xưa nói là cô diệt giải thoát, nên gọi là Niết-bàn, là vì thân trí bị trói buộc, nên lấy việc dứt trói buộc làm giải thoát.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Dưới đây là ba cách phiên dịch:

1. Ra khỏi thế.
2. Đức Phật dùng ví dụ để làm rõ chỉ thú giải thoát.
3. Làm rõ ví dụ với đối tượng ví dụ đồng, khác.

Do xưa nói về giải thoát, thì thân, trí đều là “Không”, mà bao gồm cả quả Phật. Vì thế, nên dùng cách phiên dịch thứ nhất này để nói về từ ngữ chánh giải thoát.”

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật: “Bạch Đức Thế tôn! Nói giải thoát” cho đến “Các Thanh văn, Duyên giác không thể biết được.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “hoặc hữu là sắc, hoặc chẳng phải sắc, nghĩa là lấy không trói buộc làm giải thoát. Thân, trí không có sự trói buộc, cũng là giải thoát đã quyết định trước.”

Giải thoát của Nhị thừa: Phiền não phần đoạn đã diệt, gọi là giải thoát, còn thân trí hữu vi chẳng phải giải thoát. Thân trí của Như lai là vô vi, được gọi là giải thoát.

Thế nào là Trụ? Nghĩa là các tướng mượn danh, nghĩa là được lập, gọi là Trụ. Nếu các tướng đó không có sắc thì danh từ giải thoát sẽ dựa vào đâu mà Trụ?

Chẳng phải sắc, nghĩa là thân, trí của Thanh văn cũng không có kiết thổ, trực tiếp là ít, nên nói chẳng phải sắc.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Muốn nói không có trói buộc, thì trước phải sửa cho đúng thể đó. Thể nó dù chẳng phải “Không”, cô “Diệt” thì quyền hiển, nói về then chốt là tồn tại ở sắc mà thôi. Nay, nói Thanh

văn chẳng phải sắc, là không thể hiện thân trong sáu đường.

Vì chúng sinh, nên nói chẳng phải sắc, nghĩa là theo giáo xưa, chỉ nói là bỏ thân tận diệt, không nói đến ba việc. Đã không có ba việc, thì không có pháp thân ứng xuống, nên nói chẳng phải sắc.

Thế nào là Trụ? Mượn chấp giáo xưa không có sắc để hỏi. Vì muốn cho Đức Phật giải thích về người Nhị thừa chẳng phải đều không có sắc, cho nên Đức Phật dùng Phi tướng làm dụ. Vì thật sự có sắc nhỏ nhiệm, nên nói Nhị thừa chẳng phải sắc, Niết-bàn cũng vậy. Với sắc ứng thân Tiểu thừa, đúng ra lúc bấy giờ không được nói.”

“Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng” cho đến “Nghĩa giải thoát của hạnh Đại Bát-niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Những điều chúng sinh ưa thích khác nhau, khen ngợi rộng về giải thoát, nói không khổ nào không hết, không có vui nào không đủ, xứng tình, hợp nguyện, thật là đầy đủ!”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Vì muốn cho đức không trói buộc, hiển bày cho người chưa nghe, nên Bồ-tát Ca-diếp lại bạch thỉnh lần nữa, tức là nói rộng cho chúng sinh nghe.”

“Phật khen Bồ-tát Ca-diếp: “Lành thay! Lành thay!” cho đến “Cho nên, Như lai không gọi là chết.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sinh, già, bệnh, chết, là gốc các khổ, nên nói trước. Lại, nói chết, nghĩa là trước nói về già chết, sau nói về bệnh chết.”

Minh Tuấn nói: “Dưới đây sẽ nói rộng về tám vị đầy đủ trong phẩm Danh tự Công đức. Văn trước chỉ nói năm là không già, sáu là không chết, bỏ không nói bệnh và sinh. Trong đây nói lại đủ bốn tai hại.”

“Như lai thanh tịnh không có nhơ nhuốc” cho đến “Sinh ý nghĩ tham, được giải thoát thì không như vậy.”

Minh Tuấn nói: “Nói rộng về điều trong mát thứ tư. Chứng minh ung nhọt, bثور u, đấu tranh đều không trong sạch, mát mẻ. Nhân việc mà tiếp xúc rộng, so với việc khác lớn hơn, cũng có công hiệu như việc này.”

“Lại, giải thoát, gọi là yên tĩnh” cho đến “Chân giải thoát tức là Như lai.”

Minh Tuấn nói: “Rộng ba là yên, nếu không yên, thì cầu các bạn. Yên ổn vô thượng, thì không lo lắng, không vui mừng, không cần các bạn.”

“Lại giải thoát không có bụi nhơ” cho đến “Chân giải thoát tức là





---

Như lai.”

Minh Tuấn nói: “Rộng tám, nghĩa là vui sướng. Khổ là nghĩa ép ngặt. Nay, nói có một ép ngặt để chứng tỏ sự vui sướng.”

“Lại, giải thoát gọi là pháp vô động” cho đến “Chân giải thoát tức là Như lai.”

Minh Tuấn nói: “Rộng một, là thường. Vô thường thì trôi lăn không ngừng. Nay, lấy sự rộng lớn như biển làm dụ. Phẩm trước dùng Thường để giải thích Đại. Nay, ở đây dùng Đại để giải thích Thường, nghĩa là trái lại, cho đến trên vô thường cũng giống như vậy.”

“Lại giải thoát gọi là pháp hằng” cho đến “Chân giải thoát tức là Như lai.”

Minh Tuấn nói: “Rộng hai, nghĩa là hằng. Thường không dời đổi, không có lay động, lấy sự kết hợp nhất định làm nghĩa. Hằng là lấy như trời không thay đổi làm nghĩa, cũng là lời vừa chùng mà thôi. Cho nên chẳng nêu hư không chẳng có bờ mé, không có dấu vết, bởi nói chết là thường như vậy.”

